toµ ¸n nh©n d©n
huyÖn gia l©m
thµnh phè hµ néi

céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam
Séc lËp- Tù do- H¹nh phóc

Sè:**101**/2022/Q§ST- DS

Gia L©m, ngµy 25 th¸ng 7 n¨m 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ LẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản H1 giải E ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa Lận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:124/2021/TLST – DS ngày 01 tháng 12 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thoả Lận của các đương sự được ghi trong biên hoà giải E về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội D thỏa Lận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải E, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Lận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự Lận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, E phố Hà Nội
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1959
Địa chỉ: Thôn W 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn W 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội
2. Chị Nguyễn Thị Tuyển, sinh năm 1991
3. Cháu Nguyễn Thị Ánh C, sinh năm 2015
4. Cháu Nguyễn Hà B, sinh năm 2018
Người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu B là chị Nguyễn Thị Tuyển (là mẹ đẻ của các cháu)
Địa chỉ: Xóm Sen, Thôn V, xã W, huyện K, E phố Hà Nội
5. Ông Nguyễn Hiếu Hợi, sinh năm 1953
Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.
6. Nguyễn Hiếu Hiền, sinh năm 1960
Địa chỉ: Thôn Q 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.
7. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn W 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

8. Chị Nguyễn Thị Mỹ Yến, sinh năm 1980
9. Cháu Nguyễn Khánh M, sinh năm 2004
10. Cháu Nguyễn Tiến S, sinh năm 2012
Người đại diện hợp pháp của cháu M và cháu S là chị Nguyễn Thị Mỹ Yến (là mẹ đẻ của các cháu)
Địa chỉ: Số 43B Tổ 4, phường Nam Thanh, E phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
11. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn Q 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.
13. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả Lận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ huyết thống gia đình và hàng thừa kế:

Bố đẻ của ông Nguyễn Hữu N là cụ Nguyễn Hiếu A, sinh năm 1927, chết năm 2020. Cụ A có vợ D nhất là cụ Nguyễn Thị P, chết năm 2014. Cụ A và cụ P có 07 người con đẻ là:

1.Nguyễn Hiếu Hợi, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

2. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1956, chết năm 2018; Địa chỉ: Thôn Q 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958, chết năm 2015. Bà H1 có chồng D nhất là ông Nguyễn Tiến N1, sinh năm 1957, chết năm 2008. Bà H1 có 02 con đẻ (bà H1 không có bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, người có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nào khác) là:

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn W 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1982, chết năm 2016. Anh Hưng có vợ D nhất là chị Nguyễn Thị Mỹ Yến, sinh năm 1980. Anh Hưng có 02 người con đẻ là cháu Nguyễn Khánh M, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Tiến S, sinh năm 2012. Anh Hưng không có bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, người có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nào khác.

4. Nguyễn Hiếu Hiền, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn Q 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

5. Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

6. Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Q 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội

7. Nguyễn Thị G, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Q 2, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

Hai cụ là vợ chồng D nhất của nhau,ngoài ra cụ A và cụ P không nhận ai làm con nuôi, con riêng nào khác

Ông Nguyễn Hữu N, chết 14/12/2018 có vợ D nhất là bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn W 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

Ông N và bà U có 03 người con đẻ (Ông N không có bố nuôi, mẹ nuôi, con

nuôi, con riêng, người có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nào khác) là:

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, E phố Hà Nội

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn W 1, xã W, huyện K, E phố Hà Nội.

3. Nguyễn Hữu E, sinh năm 1987, chết ngày 08/01/2018. Anh E có vợ D nhất là chị Nguyễn Thị Tuyển, sinh năm 1991. Anh E và chị Tuyển có 02 chung là cháu Nguyễn Thị Ánh C, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Hà B, sinh năm 2018. Chị Tuyển, cháu C và cháu B cùng địa chỉ: Xóm Sen, Thôn V, xã W, huyện K, E phố Hà Nội. Anh E không có bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, người có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nào khác.

2.2.Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của ông N để lại là:

Nhà đất nằm trong khối tài sản chung vợ chồng với bà U, cụ thể là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, diện tích 148m2(đo thực tế là 152.1m2 có sơ đồ kèm theo) địa chỉ thửa đất: Xóm Tự, thôn W , xã W, huyện K, E phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 861882 ngày 01/7/2010 đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị U.

Diện tích đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U tại xã W, huyện K, E phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 891693 do UBND huyện K cấp ngày 30/6/1998 cho 9 thửa đất nông nghiệp được giao đất để sản xuất nông nghiệp theo N định 64/CP năm 1996. Tổng diện tích giao là 2640 m2. Cụ thể: Ngà Chuôm 576 m2; Chũng Lựa 672 m2; Đồng Bưởi 120 m2; Lựa 144 m2; Bờ Quan 96 m2; Đồng Bưởi 192 m2; Ba Đừng ngoài 300 m2; Hai sào ngang 240 m2; Hai sào ngang 300 m2. Mục đích sử dụng: Đất sản xuất nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: 20 năm (đến ngày 31/12/2015). Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U được giao đất nông nghiệp theo N định 64/CP cho 5 khẩu là bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hiếu E. Quá trình quản lý sử dụng đất nông nghiệp toàn bộ các thửa đất trên, ngày 16/11/2010 đã bị L hồi 300m2 đất tại xứ đồng Ba đừng ngoài theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K để xây dựng dự án"Xây dựng trận địa dự bị mới C71/E280/F361 của Quân chủng Phòng không không quân".

2.3.Về sự thỏa Lận phân chia di sản thừa kế:

2.3.1 Ông Nguyễn Hiếu Hợi, ông Nguyễn Hiếu Hiền, anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị Mỹ Yến, cháu Nguyễn Khánh M, cháu Nguyễn Tiến S (cháu M và cháu S do chị Yến đại diện), bà Nguyễn Thị Hiền, bà Nguyễn Thị Sáu, bà Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị L là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông Nguyễn Hữu N để lại và đồng ý nhường lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị U là vợ của ông N được hưởng toàn bộ đối với diện tích đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất. Còn đối với đất nông nghiệp thì bà Nguyễn Thị U và chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị L được quản lý sử dụng.

2.3.2 Bà Nguyễn Thị U đồng ý thanh toán cho chị Nguyễn Thị D số tiền là 150.000.000 đồng.

2.3.3 Bà Nguyễn Thị U đồng ý thanh toán cho chị Nguyễn Thị Tuyển,

cháu Nguyễn Thị Ánh C và cháu Nguyễn Hà B (do chị Tuyển là đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu B) số tiền là 200.000.000 đồng.

2.3.4 Khi bà U thanh toán cho chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Tuyển, cháu Nguyễn Thị Ánh C và cháu Nguyễn Hà B (do chị Tuyển là đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu B) xong số tiền như thỏa Lận trên thì bà U có toàn quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất Lộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, diện tích 148m2 (đo thực tế là 152.1m2 có sơ đồ kèm theo) địa chỉ thửa đất: xóm Tự, thôn W, xã W, huyện K, E phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 861882 ngày 01/7/2010 đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị U.

2.3.5 Đối với diện tích đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U tại xã W, huyện K, E phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 891693 do UBND huyện K cấp ngày 30/6/1998 cho 9 thửa đất nông nghiệp được giao đất để sản xuất nông nghiệp theo N định 64/CP năm 1996. Tổng diện tích giao là 2640 m2. Cụ thể: Ngà Chuôm 576 m2; Chũng Lựa 672 m2; Đồng Bưởi 120 m2; Lựa 144 m2; Bờ Quan 96 m2; Đồng Bưởi 192 m2; Ba Đừng ngoài 300 m2; Hai sào ngang 240 m2; Hai sào ngang 300 m2. Mục đích sử dụng: Đất sản xuất nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: 20 năm (đến ngày 31/12/2015). Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U được giao đất nông nghiệp theo N định 64/CP cho 5 khẩu là bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hiếu E. Quá trình quản lý sử dụng đất nông nghiệp toàn bộ các thửa đất trên, ngày 16/11/2010 đã bị L hồi 300m2 đất tại xứ đồng Ba đừng ngoài theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K để xây dựng dự án"Xây dựng trận địa dự bị mới C71/E280/F361 của Quân chủng Phòng không không quân". Nay do ông N và anh E đã chết nên khi chị Tuyển nhận đủ số tiền đã thỏa Lận theo phương án H1 giải ở trên thì diện tích đất nông nghiệp còn lại chỉ còn lại 03 nhân khẩu được quyền quản lý sử dụng là bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị L.

2.3.6 Xác nhận ngày 05 tháng 7 năm 2022 bà Nguyễn Thị U đã thanh toán cho chị Nguyễn Thị D số tiền là 150.000.000 đồng và thanh toán cho chị Nguyễn Thị Tuyển, cháu Nguyễn Thị Ánh C và cháu Nguyễn Hà B (do chị Tuyển là đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu B) số tiền là 200.000.000 đồng.

2.3.7 Xác nhận ngày 05 tháng 7 năm 2022 các đương sự trong vụ án đã bàn giao cho bà Nguyễn Thị U được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất Lộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, có diện tích 148m2 (đo thực tế là 152.1m2 có sơ đồ kèm theo) địa chỉ thửa đất: xóm Tự, thôn W, xã W, huyện K, E phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 861882 ngày 01/7/2010 đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị U.

2.3.8 Xác nhận ngày 05 tháng 7 năm 2022 các đương sự trong vụ án đã bàn giao lại cho bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị L được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U tại xã W, huyện K, E phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 891693 do UBND

huyện K cấp ngày 30/6/1998 cho 9 thửa đất nông nghiệp được giao đất để sản xuất nông nghiệp theo N định 64/CP năm 1996. Tổng diện tích giao là 2640 m2. Cụ thể: Ngà Chuôm 576 m2; Chũng Lựa 672 m2; Đồng Bưởi 120 m2; Lựa 144 m2; Bờ Quan 96 m2; Đồng Bưởi 192 m2; Ba Đừng ngoài 300 m2; Hai sào ngang 240 m2; Hai sào ngang 300 m2. Mục đích sử dụng: Đất sản xuất nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: 20 năm (đến ngày 31/12/2015). Quá trình quản lý sử dụng đất nông nghiệp toàn bộ các thửa đất trên, ngày 16/11/2010 đã bị L hồi 300m2 đất tại xứ đồng Ba đừng ngoài theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K để xây dựng dự án"Xây dựng trận địa dự bị mới C71/E280/F361 của Quân chủng Phòng không không quân".

2.3.9 Về đăng ký quyền sử dụng đất:

Bà Nguyễn Thị U có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất mang tên riêng mình bà U đối với diện tích đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất Lộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, có diện tích 148m2 (đo thực tế là 152.1m2 có sơ đồ kèm theo) địa chỉ thửa đất: Xóm Tự, thôn W, xã W, huyện K, E phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 861882 ngày 01/7/2010 đăng ký mang tên ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị U.

Bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị L có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất diện tích đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình bà Nguyễn Thị U tại xã W, huyện K, E phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 891693 do UBND huyện K cấp ngày 30/6/1998 cho 9 thửa đất nông nghiệp được giao đất để sản xuất nông nghiệp theo N định 64/CP năm 1996. Tổng diện tích giao là 2640 m2. Cụ thể: Ngà Chuôm 576 m2; Chũng Lựa 672 m2; Đồng Bưởi 120 m2; Lựa 144 m2; Bờ Quan 96 m2; Đồng Bưởi 192 m2; Ba Đừng ngoài 300 m2; Hai sào ngang 240 m2; Hai sào ngang 300 m2. Mục đích sử dụng: Đất sản xuất nông nghiệp. Thời hạn sử dụng: 20 năm (đến ngày 31/12/2015). Quá trình quản lý sử dụng đất nông nghiệp toàn bộ các thửa đất trên, ngày 16/11/2010 đã bị L hồi 300m2 đất tại xứ đồng Ba đừng ngoài theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K để xây dựng dự án"Xây dựng trận địa dự bị mới C71/E280/F361 của Quân chủng Phòng không không quân". Nay do ông N và anh E đã chết chị Tuyển đã nhận đủ số tiền thỏa Lận theo phương án H1 giải ở trên nên diện tích đất nông nghiệp còn lại chỉ còn lại 03 nhân khẩu được quyền quản lý sử dụng là bà Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị L.

3.Về án phí:

3.1 Bà Nguyễn Thị U đã trên 60 tuổi nên được miễn tiến toàn bộ án phí dân sự.

3.2 Chị Nguyễn Thị D phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 16.800.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0072949 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K. Nay chị D được nhận lại số tiền là 13.050.000 đồng.

3.3 Chị Nguyễn Thị Tuyển phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định về việc công nhận sự thỏa Lận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng N theo thủ

tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Lận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn